

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ

TỈNH GIA LAI

Bản án số: 25/2018/HS-ST

Ngày 05/10/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khả Hòa

Nơi công tác: Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin huyện Đ

2. Ông Phạm Văn Miền

Nơi công tác: UBND huyện Đ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký TAND huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Yên Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vũ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05/10/2018, tại hội trường xét xử TAND huyện Đ, tỉnh Gia lai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2016/HSST ngày 29/11/2016 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 07/09/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, Sinh năm 1991, tại: huyện M, tỉnh Q.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố H, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông Nguyễn Quang B (đã chết). Con bà Huỳnh Thị TH; Vợ: Nông Thị T, có 01 con sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/8/2016 đến ngày 08/9/2016 được tại ngoại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã ra quyết định truy nã nhưng không có kết quả.

**Người bị hại:*

1/ Bà Võ Thị Thu H Sinh năm 1979. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Làng S, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

2/ Ông Hà Quốc Y Sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố B, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

1/ Ông Trần Minh O Sinh năm 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2/ Bà Mã Thị Cẩm V Sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Làng S, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/8/2016, Nguyễn Quang T đến Trường Mầm non O Bình thuộc làng ST, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để làm thuê thì gặp chị Võ Thị Thu H là người nấu cơm cho thợ xây. T ngồi nói chuyện với chị H khoảng 15 phút thì chị H nhờ T trông nhà giúp để chị H đi tắm. Khi chị H đi tắm thì T nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J56 của anh Trần Minh O và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 4S của chị Mã Cẩm V đang để sạc pin ở trong phòng chị H. T quan sát không thấy ai xung quanh nên đã lén lút lấy trộm hai chiếc điện thoại di động bỏ vào ba lô rồi ra đón xe taxi đi về TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai bán điện thoại vừa trộm cắp được để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi xe taxi chở Nguyễn Quang T đến khu vực thôn IL, xã IK, Yên Đ thì bị anh Trần Minh O và lực lượng Công an bắt giữ.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Quang T còn khai nhận: Ngoài lần trộm cắp tại Trường Mầm non Hòa Bình ra thì vào khoảng 17 giờ ngày 26/8/2016, T đã đến Nhà thi đấu huyện C, tỉnh Gia Lai chơi bóng chuyền đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đi về và phát hiện chiếc xe mô tô của anh Hà Quốc Y, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai để ở sân tập thể của Nhà thi đấu không có người trông coi và chìa khóa vẫn cắm trong ổ điện của xe mô tô. T dùng tay mở khóa cốp xe và lấy trộm bên trong cốp xe một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M7 và 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) của anh Y. Sau khi lấy được tài sản T đi về nhà đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T gọi xe taxi đến nhà chở T cùng vợ là Nông Thị T và con đi TP.P, tỉnh Gia Lai chơi. Khi đến TP.P, T đến tiệm điện thoại Thế giới di động gần Quảng trường Đại Đoàn Kết để chạy lại phần mềm chiếc điện thoại T lấy trộm của anh Y. Sau đó, T cùng vợ con đi đến Quảng trường Đại Đoàn Kết, điện thoại cho Ngô Thanh TN, trú tại xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai là phụ xe của hãng xe TP mượn tiền để trả taxi. Xong, TN đưa T cùng vợ con về nhà xe TP ngủ. Sau đó, T rủ TN đi chơi và đến tiệm điện thoại di động TTG ở số nhà R, đường N, TP.P, Gia Lai cầm cố chiếc điện thoại di động HTC One M7 cho anh Nguyễn Thanh TA là chủ tiệm được 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). T và TN đi nhậu đến khoảng 2 giờ sáng ngày 27/8/2016 thì cả hai về nhà xe TP để ngủ đến khoảng 8 giờ sáng cùng ngày, T đến tiệm điện thoại TTG bán luôn chiếc điện thoại đã cầm cố giá 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng). Số tiền bán điện thoại và trộm cắp được T tiêu xài hết. Đến ngày 30/8/2016, T đón xe khách lên huyện Đ, tỉnh Gia Lai để xin làm thuê ở Trường Mầm non Hòa Bình và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị bắt.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐ ngày 17/09/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J56, vỏ ngoài màu bạc, mua vào tháng 8/2016, tỷ lệ phần trăm còn lại là 98,3%, với giá trị: 5.490 đồng x 98,3% = 5.396.670 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 4S, vỏ ngoài màu đen, mua năm 2013, tỷ lệ phần trăm còn lại là 30%, với giá trị: 3.600.000 đồng x 30% = 1.080.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M7 loại 32GB, tỷ lệ phần trăm còn lại là 65%, với giá trị: $3.500.000 \text{ đồng} \times 65\% = 2.275.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 8.751.670đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi đồng)

Tại bản Cáo trạng số : 43/CT-VKS-KT ngày 28/11/2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia lai truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”

**Về trách nhiệm hình sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 06-09 (sáu đến chín) tháng tù

**Về dân sự:* Người bị hại đã nhận lại tài sản còn nguyên vẹn như trước khi bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

**Về tang vật của vụ án:* Cơ quan điều tra đã xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J56, vỏ ngoài màu bạc là của anh Trần Minh O; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 4S, vỏ ngoài màu đen là của chị Mã Thị Cẩm V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M7 loại 32GB là của anh Hà Đức Y nên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận

Căn cứ vào những chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại Phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/8/2016, Nguyễn Quang T lén lút mở cốp xe máy của anh Hà Quốc Y, để ở sân Nhà thi đấu huyện C lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M7 và 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 30/8/2016, T tiếp tục đến Trường Mầm non Hòa Bình thuộc làng ST, xã I, huyện Đ lén lút lấy trộm hai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J56 và Apple loại Iphone 4S của anh Trần Minh O và chị Mã Cẩm V đang để sạc pin trong phòng.

[2] Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐ ngày 17/09/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J56, vỏ ngoài màu bạc, mua vào tháng 8/2016, tỷ lệ phần trăm còn lại là 98,3%, với giá trị: $5.490 \text{ đồng} \times 98,3\% = 5.396.670 \text{ đồng}$.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 4S, vỏ ngoài màu đen, mua năm 2013, tỷ lệ phần trăm còn lại là 30%, với giá trị: 3.600.000 đồng x 30% = 1.080.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M7 loại 32GB, tỷ lệ phần trăm còn lại là 65%, với giá trị: 3.500.000 đồng x 65% = 2.275.000 đồng.

Tổng cộng: 8.751.670đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi đồng)

[3] Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi “ Trộm cắp tài sản” là thời điểm trước khi Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai áp dụng Khoản 1 Điều 138 truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản ” là có căn cứ. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực thi hành (Từ ngày 01/01/2018), so sánh tội “ Trộm cắp tài sản” qui định tại Bộ luật hình sự 2015 và Bộ luật hình sự 1999 thì mức án cao nhất của Bộ luật hình sự 2015 thấp hơn mức cao nhất Bộ luật hình sự 1999. Do đó, TAND huyện Đ cần áp dụng Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/06/ 2017 của Quốc hội và Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 để xét xử bị cáo theo về tội “ Trộm cắp tài sản ” là có căn cứ và đúng Pháp luật

[4] Xét thấy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản ” qui định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại bất hợp pháp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân trên địa bàn. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung là cần thiết.

Tuy nhiên cũng cần cân nhắc xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt một cách đúng đắn, phù hợp với hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra

[6] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo*

- Tình tiết tăng nặng: Có 1 tình tiết tăng nặng qui định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 là “ Phạm tội nhiều lần ”

- Tình tiết giảm nhẹ: Có 1 tình tiết giảm nhẹ qui định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “ Người phạm tội thành khẩn khai báo”

- Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự tuy nhiên không có ý thức tuân thủ pháp luật, trong quá trình được tại ngoại bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án

Do đó cần phải xử phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện cải tạo mình thành người lương thiện và có ích cho xã hội.

[7] *Về trách nhiệm dân sự* Những người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về tang vật của vụ án* : Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Minh O 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J56, vỏ ngoài màu bạc; Trả lại cho chị Mã Thị Cẩm V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 4S, vỏ ngoài màu đen; Trả lại cho anh Hà Đức Y 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M7 loại 32GB là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[9] *Xét về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện hợp pháp.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo Pháp luật qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quang T** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38,50; Điểm s Khoản 1 điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/QH14.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang T: 07(bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi những ngày đã tạm giam (từ ngày 30/8/2016 đến ngày 08/9/2016)

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự Sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, Người bị hại; Người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản sao bản án được niêm yết hợp lệ

(Đã giải thích phân quyết định của bản án)

Nơi nhận

- TATỉnh
- VKSND huyện Đ;
- CA huyện Đ ;
- Bị cáo; Người đ. diện hợp pháp
- Người có QLNVLQ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người bị hại
- Sở TP
- THADS
- Lưu HSVA
- Lưu THAHS

NGUYỄN THỊ KIM THOA